

## **Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn**

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



# Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 37

# Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") ("SAGS") là công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("CNĐKDN") số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh (gần nhất lần thứ 8 ngày 21 tháng 4 năm 2022).

Hoạt động theo Giấy CNĐKDN của Công ty là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở), đào tạo.

Công ty có trụ sở chính tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Tuấn Tú	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên	
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên	
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	
Ông Lưu Việt Hùng	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 27 tháng 4 năm 2022

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Quang Tâm Thảo	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên
Ông Hoàng Mạnh Hà	Thành viên

# Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phùng Danh Nguyên	Kế toán trưởng	

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Tuấn Tú	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty ("bao gồm báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Hồ Chí Minh và chi nhánh không có tư cách pháp nhân") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 ("báo cáo tài chính hợp nhất") được lập ngày 14 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Đình Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 61354721/66705566/FN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (“Công ty”), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3040-2019-004-1



Lý Hồng Mỹ  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 4175-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>762.528.406.314</b>	<b>554.048.603.609</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>98.196.958.549</b>	<b>308.650.335.063</b>
111	1. Tiền		88.196.958.549	128.650.335.063
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	180.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>360.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	360.000.000.000	70.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>294.485.339.374</b>	<b>166.882.237.847</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	275.810.178.594	164.781.674.116
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	10.491.741.060	115.544.900
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	8.344.310.826	1.985.018.831
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(160.891.106)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>7.762.583.185</b>	<b>5.245.623.549</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	7.762.583.185	5.245.623.549
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.083.525.206</b>	<b>3.270.407.150</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.083.525.206	2.100.915.022
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	1.169.492.128
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>202.639.260.702</b>	<b>274.248.823.230</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>339.295.300</b>	<b>339.295.300</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	7.268.604.900	7.268.604.900
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	20.939.295.300	20.939.295.300
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(27.868.604.900)	(27.868.604.900)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>171.153.990.024</b>	<b>246.548.488.972</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	171.153.990.024	246.548.488.972
222	Nguyên giá		801.444.956.821	793.289.711.848
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(630.290.966.797)	(546.741.222.876)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		774.068.000	774.068.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(774.068.000)	(774.068.000)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.458.888.889</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.458.888.889	-
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>25.928.400.000</b>	<b>25.928.400.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	25.928.400.000	25.928.400.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.758.686.489</b>	<b>1.432.638.958</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	-	46.602.155
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	1.758.686.489	1.386.036.803
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>965.167.667.016</b>	<b>828.297.426.839</b>



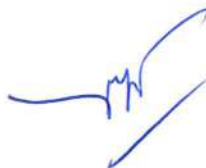
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>200.233.102.189</b>	<b>109.343.539.069</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>186.105.257.109</b>	<b>99.917.570.919</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	27.323.012.671	9.279.444.174
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	1.691.170.146	6.470.108.192
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	14.194.568.373	1.932.679.149
314	4. Phải trả người lao động		73.849.238.330	46.529.373.285
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	56.716.739.404	22.250.380.597
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	7.004.468.013	855.280.989
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.326.060.172	12.600.304.533
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>14.127.845.080</b>	<b>9.425.968.150</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	14.127.845.080	9.425.968.150
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>764.934.564.827</b>	<b>718.953.887.770</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17.1</b>	<b>764.934.564.827</b>	<b>718.953.887.770</b>
411	1. Vốn cổ phần		335.816.910.000	335.816.910.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		335.816.910.000	335.816.910.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.603.680.000	6.603.680.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(753.400.000)	(753.400.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		265.908.867.560	249.978.367.027
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		157.358.507.267	127.308.330.743
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		21.968.177.524	61.870.294.818
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		135.390.329.743	65.438.035.925
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>965.167.667.016</b>	<b>828.297.426.839</b>



Đặng Thị Minh Nguyệt  
Người lập



Phùng Danh Nguyên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

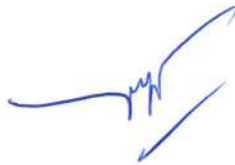
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	18.1	927.275.833.154	463.944.415.691
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp		657.963.789.104	338.473.655.690
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		269.312.044.050	125.470.760.001
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	19.223.438.919	8.945.725.309
22	5. Chi phí tài chính	19	5.114.059.679	922.953.538
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	104.928.558.059	51.694.269.446
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		178.492.865.231	81.799.262.326
31	8. Thu nhập khác		184.061.526	23.650.968
32	9. Chi phí khác	22	1.588.221.608	3.228.237
40	10. (Lỗ) lợi nhuận khác		(1.404.160.082)	20.422.731
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		177.088.705.149	81.819.685.057
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.2	37.232.410.326	15.702.502.167
52	13. (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.3	(372.649.686)	679.146.965
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		140.228.944.509	65.438.035.925



Đặng Thị Minh Nguyệt  
Người lập



Phùng Danh Nguyên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>177.088.705.149</b>	<b>81.819.685.057</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	10	83.549.743.921	97.282.351.474
03	Dự phòng		160.891.106	528.080.175
04	(Lỗ) lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.604.943.438	(533.074.854)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	18.2	(13.477.032.901)	(7.776.942.710)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>251.927.250.713</b>	<b>171.320.099.142</b>
09	(Giảm) tăng các khoản phải thu		(124.114.709.002)	77.918.769.535
10	Tăng hàng tồn kho		(2.516.959.636)	(632.439.724)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		90.717.873.220	(33.834.181.957)
12	Giảm chi phí trả trước		63.991.971	139.298.575
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(31.481.406.706)	(16.055.100.708)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.360.992.602)	(23.064.075.873)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>168.235.047.958</b>	<b>175.792.368.990</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(11.614.133.862)	(373.150.000)
23	Tiền gửi có kỳ hạn		(340.000.000.000)	-
24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn		50.000.000.000	-
27	Lãi tiền gửi nhận được		9.304.073.997	7.824.202.984
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(292.310.059.865)</b>	<b>7.451.052.984</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	17.3	(83.833.977.500)	(83.833.977.500)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(83.833.977.500)</b>	<b>(83.833.977.500)</b>



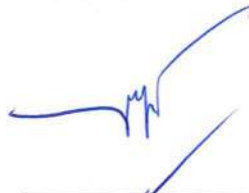
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(207.908.989.407)	99.409.444.474
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		308.650.335.063	209.216.556.675
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.544.387.107)	24.333.914
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	98.196.958.549	308.650.335.063



Đặng Thị Minh Nguyệt  
Người lập



Phùng Danh Nguyên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") ("SAGS") là công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30/10/2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("CNĐKDN") số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh sau đó (gần nhất lần thứ 8 ngày 21 tháng 4 năm 2022).

Hoạt động theo Giấy CNĐKDN của Công ty là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở), đào tạo.

Công ty có trụ sở chính tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.620 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.470).

Công ty có một chi nhánh và một công ty con, như sau:

**Chi nhánh**

Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 cấp ngày 27 tháng 4 năm 2015. Địa chỉ tại Cảng Hàng Không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

**Công ty con**

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (SAGS-CXR) là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các Giấy CNĐKDN điều chỉnh sau đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

Hoạt động theo Giấy CNĐKDN của SAGS-CXR là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất. Trụ sở đăng ký của SAGS-CXR tại Cảng Hàng Không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích trình bày báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập ngày 14 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200 cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để phản ánh chi phí mua sắm tài sản cố định và tình hình quyết toán chi phí mua sắm tài sản cố định trong trường hợp phải qua lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng (kể cả mua tài sản cố định mới hoặc đã qua sử dụng); phản ánh chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và tình hình quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, và phản ánh chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và tình hình quyết toán sửa chữa lớn tài sản cố định.

**3.8 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**3.13 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, đào tạo trình độ chuyên môn của Người lao động của Công ty hoặc góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích các cá nhân, tập thể có năng suất lao động và thành tích đóng góp đặc biệt, phát huy sáng kiến, cải tạo kỹ thuật, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và dịch vụ phi hàng không (phục vụ khách VIP, dịch vụ đào tạo, dịch vụ hành lý, hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm).

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.16 Thuế**

*Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam, như doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay quốc nội chịu thuế suất 10%; doanh thu đào tạo không chịu thuế.

Tại Chi nhánh Đà Nẵng, thuế GTGT được kê khai và nộp riêng tại Chi nhánh.

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Văn phòng Hồ Chí Minh và Chi nhánh Đà Nẵng (đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty) được nộp tập trung tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính tổng hợp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

#### 3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	88.196.958.549	128.650.335.063
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	10.000.000.000	180.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>98.196.958.549</b>	<b>308.650.335.063</b>

(\*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 6%/năm (năm 2021: 2,9%/năm đến 3,2%/năm).

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	360.000.000.000	70.000.000.000

Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc từ ba (3) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4%/năm đến 8,2%/năm (năm 2021: 3,2%/năm đến 3,3%/năm).

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>275.810.178.594</b>	<b>164.781.674.116</b>
Bên liên quan (Thuyết minh số 24)	146.102.394.598	87.576.576.325
Bên khác	129.707.783.996	77.205.097.791
<i>Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt</i>	36.226.596.773	37.803.321.566
<i>Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam</i>	20.688.611.000	7.326.981.363
<i>Asiana Airlines Inc</i>	10.108.145.312	6.225.193.890
<i>Thai Air Asia</i>	8.344.517.638	528.997.163
<i>Air Asia Berhart</i>	8.227.905.454	-
<i>Thai Vietjet Air Joint Stock Company</i>	7.412.172.617	4.027.214.915
<i>Emirates Airline</i>	5.949.324.800	5.037.042.210
<i>Scoot Tiger Air Pte. Ltd</i>	4.998.681.891	1.462.943.375
<i>Qatar Airways</i>	4.573.142.302	1.756.956.486
<i>Turkish Airlines</i>	3.001.760.000	4.375.030.690
<i>AHK Air Hongkong</i>	1.554.374.400	1.738.322.280
<i>Khác</i>	18.622.551.809	6.923.093.853
<b>Dài hạn</b>	<b>7.268.604.900</b>	<b>7.268.604.900</b>
<i>Công ty Cổ phần Air Mèkong</i>	5.508.337.650	5.508.337.650
<i>Cardig Air</i>	1.760.267.250	1.760.267.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>283.078.783.494</b>	<b>172.050.279.016</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(160.891.106)	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(7.268.604.900)	(7.268.604.900)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>275.649.287.488</b>	<b>164.781.674.116</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN** (tiếp theo)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Miền Bắc	5.031.600.000	-
Công ty Cổ phần Avintech	4.401.777.600	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk	800.038.460	-
Khác	258.325.000	115.544.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.491.741.060</b>	<b>115.544.900</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.344.310.826</b>	<b>1.985.018.831</b>
Lãi dự thu	4.677.890.411	504.931.507
Thuế GTGT dự chi	1.709.833.245	-
Các khoản trả hộ các hãng hàng không	622.114.700	520.542.230
Tạm ứng nhân viên	201.000.000	12.196.000
Phải thu lại của nhân viên	192.221.859	188.435.933
Bảo hiểm nộp thừa	90.335.327	725.913.161
Khác	850.915.284	33.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>20.939.295.300</b>	<b>20.939.295.300</b>
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng		
Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	20.600.000.000	20.600.000.000
Ký cược, ký quỹ	339.295.300	339.295.300
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.283.606.126</b>	<b>22.924.314.131</b>
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(20.600.000.000)	(20.600.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>8.683.606.126</b>	<b>2.324.314.131</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu	7.524.576.822	5.005.423.549
Công cụ, dụng cụ	238.006.363	240.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.762.583.185</u></b>	<b><u>5.245.623.549</u></b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.083.525.206</b>	<b>2.100.915.022</b>
Phần mềm mail server và license	663.175.347	528.416.667
Phí bảo hiểm trách nhiệm hàng không	529.977.810	471.190.320
Phí bảo hiểm phương tiện vận chuyển	481.664.351	629.084.535
Phí cước Metrowan	170.331.363	299.131.609
Khác	238.376.335	173.091.891
<b>Dài hạn</b>	-	<b>46.602.155</b>
Chi phí tần số vô tuyến điện	-	46.602.155
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.083.525.206</u></b>	<b><u>2.147.517.177</u></b>

## Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					VND
Số đầu năm	28.572.342.754	12.615.471.260	725.263.590.038	26.838.307.796	793.289.711.848
Mua mới	-	1.286.000.000	6.683.844.973	185.400.000	8.155.244.973
Số cuối năm	28.572.342.754	13.901.471.260	731.947.435.011	27.023.707.796	801.444.956.821
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số đầu năm	(7.476.192.615)	(11.524.922.573)	(508.532.763.254)	(19.207.344.434)	(546.741.222.876)
Khấu hao trong năm	(1.153.395.234)	(441.953.718)	(79.324.611.967)	(2.629.783.002)	(83.549.743.921)
Số cuối năm	(8.629.587.849)	(11.966.876.291)	(587.857.375.221)	(21.837.127.436)	(630.290.966.797)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	21.096.150.139	1.090.548.687	216.730.826.784	7.630.963.362	246.548.488.972
Số cuối năm	19.942.754.905	1.934.594.969	144.090.059.790	5.186.580.360	171.153.990.024

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 340.752.081.399 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thiết bị đã bàn giao đang chờ cấp phép lưu hành	3.458.888.889	-

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	25.928.400.000	51%	25.928.400.000	51%

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (SAGS-CXR) là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 51/NQ - ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 10 năm 2017 của SAGS -CXR đã thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, với tỷ lệ thực hiện là 10:6 (phát hành 6 cổ phiếu mới cho mỗi 10 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ). Theo đó, SAGS - CXR đã hoàn tất việc phát hành này với tổng số cổ phiếu được phát hành là 1.860.000 cổ phiếu, giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị là 18.600.000.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của SAGS – CXR từ 31.000.000.000 VND tăng thành 49.600.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty trong SAGS –CXR vẫn không đổi, tuy nhiên số lượng cổ phần sở hữu tăng từ 1.581.000 thành 2.529.600 cổ phần.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 64/NQ-ĐHĐCĐ ngày 1 tháng 10 năm 2018 của SAGS -CXR đã thông qua việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Theo đó, SAGS - CXR đã hoàn tất việc phát hành này với tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 1.984.000 cổ phiếu, giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị là 19.840.000.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của SAGS – CXR từ 49.600.000.000 VND tăng thành 69.440.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty trong SAGS –CXR vẫn không đổi, tuy nhiên số lượng cổ phần sở hữu tăng từ 2.529.600 thành 3.541.440 cổ phần.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 của SAGS -CXR đã thông qua việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Theo đó, SAGS - CXR đã hoàn tất việc phát hành này với tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 2.777.600 cổ phiếu, giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị là 27.776.000.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của SAGS – CXR từ 69.440.000.000 VND tăng thành 97.216.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty trong SAGS –CXR vẫn không đổi, tuy nhiên số lượng cổ phần sở hữu tăng từ 3.541.440 thành 4.958.016 cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 24)	13.598.346.453	6.595.078.273
Bên khác	13.724.666.218	2.684.365.901
Công ty TNHH Cơ khí Lắp máy THO	3.734.711.120	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác		
Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	2.614.866.127	-
Công ty TNHH MTV Thiên Thiên Phát	2.487.105.000	393.030.000
Công ty Cổ phần Cung cấp Thiết bị và Dịch vụ		
Bảo dưỡng Hàng không	1.528.204.270	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ		
Petrolimex Sài Gòn	1.396.930.460	632.952.590
Khác	1.962.849.241	1.658.383.311
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.323.012.671</b>	<b>9.279.444.174</b>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Polskie Linie Lotnicze Lot S.A	710.355.588	710.355.588
AirAsia Berhad	-	4.698.393.173
Khác	980.814.558	1.061.359.431
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.691.170.146</b>	<b>6.470.108.192</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	436.768.075	18.632.760.099	(10.442.857.338)	8.626.670.836
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	37.232.410.326	(32.650.898.834)	4.581.511.492
Thuế Giá trị gia tăng	1.495.911.074	48.377.503.888	(48.887.028.917)	986.386.045
Thuế khác	-	3.921.866.013	(3.921.866.013)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.932.679.149</b>	<b>108.164.540.326</b>	<b>(95.902.651.102)</b>	<b>14.194.568.373</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ dự phòng tiền lương	52.600.000.000	19.898.830.142
Chi phí dự án Long Thành	3.000.000.000	297.000.000
Bồi dưỡng độc hại	741.880.000	195.105.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	108.000.000	108.000.000
Chi phí hội nghị	-	1.000.000.000
Khác	266.859.404	751.445.455
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>56.716.739.404</u></b>	<b><u>22.250.380.597</u></b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.004.468.013</b>	<b>855.280.989</b>
Thu hộ	5.673.711.381	25.673.830
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	775.408.588	489.894.099
Khác	555.348.044	339.713.060
<b>Dài hạn</b>	<b>14.127.845.080</b>	<b>9.425.968.150</b>
Nhận ký cược, ký quỹ của các hãng hàng không	14.127.845.080	9.425.968.150
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.132.313.093</u></b>	<b><u>10.281.249.139</u></b>

**Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						VND
Số đầu năm	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	224.226.546.571	194.632.731.185	760.526.467.756
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	65.438.035.925	65.438.035.925
Cổ tức 2020	-	-	-	-	(83.833.977.500)	(83.833.977.500)
Trích quỹ theo NQĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021	-	-	-	25.751.820.456	(25.751.820.456)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NQĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021	-	-	-	-	(20.601.456.365)	(20.601.456.365)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đạt chỉ tiêu năm 2020	-	-	-	-	(2.575.182.046)	(2.575.182.046)
Số cuối năm	<u>335.816.910.000</u>	<u>6.603.680.000</u>	<u>(753.400.000)</u>	<u>249.978.367.027</u>	<u>127.308.330.743</u>	<u>718.953.887.770</u>



**Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

Năm nay	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	VND
Số đầu năm	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	249.978.367.027	127.308.330.743	718.953.887.770	
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	140.228.944.509	140.228.944.509	
Cổ tức 2021 (*)	-	-	-	-	(83.833.977.500)	(83.833.977.500)	
Trích quỹ theo NQĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022	-	-	-	15.930.500.533	(15.930.500.533)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 theo NQĐHĐCĐ	-	-	-	-	(4.248.133.475)	(4.248.133.475)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 theo NQĐHĐCĐ	-	-	-	-	(4.838.614.766)	(4.838.614.766)	
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đạt chỉ tiêu năm 2021	-	-	-	-	(1.327.541.711)	(1.327.541.711)	
Số cuối năm	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	265.908.867.560	157.358.507.267	764.934.564.827	

(\*) Theo NQĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu năm 2021 bằng tiền tại mức 25% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông (2.500 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	48,03%	161.280.510.000	48,03%	161.280.510.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	17,64%	59.242.200.000	17,58%	59.031.200.000
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	9,11%	30.608.220.000	9,11%	30.608.220.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Cảng Khác	7,61%	25.572.450.000	7,61%	25.572.450.000
Cổ phiếu quỹ	17,47%	58.632.530.000	17,52%	58.843.530.000
	0,14%	481.000.000	0,14%	481.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>335.816.910.000</b>		<b>335.816.910.000</b>

**17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm và cuối năm	<u>335.816.910.000</u>	<u>335.816.910.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã trả bằng tiền	<u>83.833.977.500</u>	<u>83.833.977.500</u>

**17.4 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	33.581.691	33.581.691
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	(48.100)	(48.100)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	33.533.591	33.533.591

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu dịch vụ hàng không</b>	<b>906.172.172.265</b>	<b>448.795.548.996</b>
<i>Phục vụ mặt đất</i>	876.150.872.624	425.169.908.689
<i>Dịch vụ kéo đẩy</i>	24.145.166.161	20.130.841.507
<i>Dịch vụ xe chở khách</i>	5.876.133.480	3.494.798.800
<b>Doanh thu dịch vụ phi hàng không</b>	<b>21.103.660.889</b>	<b>15.148.866.695</b>
<i>Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng</i>	11.789.722.169	8.044.193.743
<i>Dịch vụ đào tạo</i>	3.377.821.476	1.311.035.000
<i>Dịch vụ hành lý, hàng hóa</i>	2.258.772.442	840.700.475
<i>Khác</i>	3.677.344.802	4.952.937.477
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>927.275.833.154</b>	<b>463.944.415.691</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	556.373.131.865	313.385.372.423
<i>Doanh thu từ bên liên quan     (Thuyết minh số 24)</i>	370.902.701.289	150.559.043.268

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	13.477.032.901	7.776.942.710
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	5.746.406.018	635.707.745
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	533.074.854
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.223.438.919</b>	<b>8.945.725.309</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.604.943.438	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	509.116.241	922.953.538
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.114.059.679</b>	<b>922.953.538</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	52.578.896.262	27.177.636.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.706.111.290	12.999.033.571
Chi phí nhượng quyền khai thác	13.592.582.585	6.731.933.236
Chi phí khấu hao	2.986.119.557	3.081.220.512
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.026.918.681	546.711.563
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	160.891.106	528.080.175
Khác	877.038.578	629.654.369
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>104.928.558.059</u></b>	<b><u>51.694.269.446</u></b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	406.268.941.677	191.586.854.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.261.918.412	77.116.692.693
Chi phí khấu hao ( <i>Thuyết minh số 10</i> )	83.549.743.921	97.282.351.474
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	43.121.040.884	16.292.358.211
Chi phí nhượng quyền khai thác	13.592.582.585	6.731.933.236
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	160.891.106	528.080.175
Khác	937.228.578	629.654.369
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>762.892.347.163</u></b>	<b><u>390.167.925.136</u></b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Nộp bổ sung thuế theo Quyết định số 2342/QĐ-CT và số 2343/QĐ-CT ngày 4/8/2022 về việc thu hồi hoàn thuế và phạt vi phạm hành chính	1.553.454.472	-
Khác	34.767.136	3.228.237
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.588.221.608</u></b>	<b><u>3.228.237</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận chịu thuế (2021: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 23.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.232.410.326	15.702.502.167
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(372.649.686)	679.146.965
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.859.760.640</u></b>	<b><u>16.381.649.132</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>177.088.705.149</u></b>	<b><u>81.819.685.057</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	35.417.741.030	16.363.937.011
<i>Điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Liên quan đến chi phí không được trừ	530.869.585	118.066.520
Liên quan đến lãi chênh lệch tỷ giá hối		
đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ	847.510.902	(100.354.399)
có gốc ngoại tệ		
Khác	63.639.123	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>36.859.760.640</u></b>	<b><u>16.381.649.132</u></b>

#### 23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**23.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>177.088.705.149</b>	<b>81.819.685.057</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	35.417.741.030	16.363.937.011
<i>Điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Liên quan đến chi phí không được trừ	530.869.586	118.066.520
Liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	847.510.902	(100.354.399)
Liên quan đến chi phí dự án Long Thành	540.600.000	59.400.000
Liên quan đến chi phí bồi dưỡng độc hại	109.355.000	(95.143.000)
Liên quan đến chi phí dự phòng	32.178.221	105.616.035
Liên quan đến chi phí Sita	(67.380.000)	61.380.000
Liên quan đến chi phí hội nghị, quảng cáo, tiếp thị	(200.000.000)	(60.000.000)
Liên quan đến chi phí khác	21.535.588	(750.400.000)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>37.232.410.326</b>	<b>15.702.502.167</b>

**23.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự án Long Thành	600.000.000	59.400.000	540.600.000	59.400.000
Dự phòng cho Transaero Airline	585.273.262	585.273.262	-	-
Dự phòng cho Cardig Air	352.053.450	352.053.450	-	105.616.035
Chi phí bồi dưỡng độc hại Dự phòng cho LLC. Nord Wind	148.376.000	39.021.000	109.355.000	(95.143.000)
Chi phí Sita	32.178.221	-	32.178.221	-
Chi phí hội nghị, quảng cáo	4.000.000	71.380.000	(67.380.000)	61.380.000
Khác	-	200.000.000	(200.000.000)	(60.000.000)
	36.805.556	78.909.091	(42.103.535)	(750.400.000)
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>1.758.686.489</b>	<b>1.386.036.803</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>372.649.686</b>	<b>(679.146.965)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	Công ty con
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn

Chi tiết thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	12.362.876.612	8.430.150.812
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	3.660.866.082	2.461.961.818
Thu nhập của Ban Kiểm soát	1.449.742.799	855.265.539
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.473.485.493</u></b>	<b><u>11.747.378.169</u></b>



## Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP ("ACV")	Cổ đông lớn	Chia cổ tức Cung cấp dịch vụ Sử dụng dịch vụ	40.320.127.500 14.325.443.645 502.380.864	40.320.127.500 7.703.978.743 2.228.876.475	
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	90.811.933.017	29.359.963.428	
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ Cung cấp dịch vụ	13.014.070.587 708.824	5.843.621.843 -	
Cảng Hàng không Thọ Xuân - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	972.222	-	
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	2.646.550.928	1.425.518.182	
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ Chia cổ tức Sử dụng dịch vụ	356.576.548.820 7.652.055.000 12.108.000	142.855.064.525 7.652.055.000 -	
Các khoản phải thu với các bên liên quan vào ngày kết thúc năm kế toán như sau:					
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>					
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	142.427.779.936	86.194.183.797	
Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	3.674.614.662	1.382.392.528	
			<b>146.102.394.598</b>	<b>87.576.576.325</b>	

## Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc năm kế toán như sau

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)</b>					
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Cổ đông lớn				
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	11.698.642.046		6.089.870.352
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	1.876.322.407		505.207.921
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	23.382.000		-
			<b>13.598.346.453</b>		<b>6.595.078.273</b>

Các bên liên quan khác là cá nhân không phát sinh giao dịch cũng như không phát sinh công nợ trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi khu vực địa lý. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không, sân bay. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo hoạt động kinh doanh không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận (lỗ) và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	VND		
	<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	<i>Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>			
Doanh thu	412.913.726.665	51.030.689.026	463.944.415.691
<i>Dịch vụ hàng không</i>	402.861.375.495	45.934.173.501	448.795.548.996
<i>Dịch vụ phi hàng không</i>	10.052.351.170	5.096.515.525	15.148.866.695
Chi phí	(323.357.015.118)	(66.810.910.018)	(390.167.925.136)
Lợi nhuận (lỗ) bộ phận	89.556.711.547	(15.780.220.992)	73.776.490.555
Doanh thu tài chính	8.935.874.527	9.850.782	8.945.725.309
Chi phí tài chính	(922.675.444)	(278.094)	(922.953.538)
Thu nhập khác	23.643.789	7.179	23.650.968
Chi phí khác	-	(3.228.237)	(3.228.237)
Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế TNDN	97.593.554.419	(15.773.869.362)	81.819.685.057
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(15.702.502.167)	-	(15.702.502.167)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(637.603.965)	(41.543.000)	(679.146.965)
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	81.253.448.287	(15.815.412.362)	65.438.035.925
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>			
Tài sản bộ phận	<b>804.916.679.548</b>	<b>23.380.747.291</b>	<b>828.297.426.839</b>
Nợ phải trả bộ phận	<b>98.096.811.717</b>	<b>11.246.727.352</b>	<b>109.343.539.069</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận (lỗ) và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND		
	Văn phòng Hồ Chí Minh	Chi nhánh Đà Nẵng	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>			
Doanh thu	760.419.369.791	166.856.463.363	927.275.833.154
<i>Dịch vụ hàng không</i>	741.173.927.721	164.998.244.544	906.172.172.265
<i>Dịch vụ phi hàng không</i>	19.245.442.070	1.858.218.819	21.103.660.889
Chi phí	<u>(623.809.993.336)</u>	<u>(139.082.353.827)</u>	<u>(762.892.347.163)</u>
Lợi nhuận bộ phận	136.609.376.455	27.774.109.536	164.383.485.991
Doanh thu tài chính	18.726.622.117	496.816.802	19.223.438.919
Chi phí tài chính	(4.583.974.627)	(530.085.052)	(5.114.059.679)
Thu nhập khác	184.038.040	23.486	184.061.526
Chi phí khác	<u>(1.588.185.173)</u>	<u>(36.435)</u>	<u>(1.588.221.608)</u>
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	149.347.876.812	27.740.828.337	177.088.705.149
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(31.504.992.257)	(5.727.418.069)	(37.232.410.326)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	327.044.686	45.605.000	372.649.686
Lợi nhuận sau thuế TNDN	118.169.929.241	22.059.015.268	140.228.944.509
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>			
Tài sản bộ phận	<u>902.384.500.162</u>	<u>62.783.166.854</u>	<u>965.167.667.016</u>
Nợ phải trả bộ phận	<u>172.612.649.374</u>	<u>27.620.452.815</u>	<u>200.233.102.189</u>

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê trang thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam theo Hợp đồng số 34/ACV-SAGS và các phụ lục đính kèm hợp đồng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	<u>411.783.761</u>	<u>165.786.060</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**27.1 Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Đô la Mỹ (USD)	58.844.592.636	2.519.032,22	44.606.162.290	1.975.034,86

**27.2 Nợ khó đòi đã xử lý**


Đối tượng	Giá trị	VND
		Nguyên nhân xóa nợ
Transaero Airline	2.926.366.316	Hãng ngưng khai thác từ lâu, không có khả năng thu hồi

**28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty



Đặng Thị Minh Nguyệt  
Người lập



Phùng Danh Nguyên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

## **EY | Building a better working world**

**EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.**

**Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.**

**Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.**

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2023 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn) | [ey.com/vi\\_vn](https://ey.com/vi_vn)